

NHÌN LẠI HAI CUỘC CẢI CÁCH GIÁO DỤC (1906 VÀ 1917) Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

PHAN TRỌNG BÁU*

Trong quá trình tổ chức và xác lập nền giáo dục ở Việt Nam, người Pháp đã tiến hành 2 cuộc cải cách giáo dục quan trọng vào năm 1906 và 1917 nhằm xóa bỏ từng bước nền giáo dục Nho giáo đi đến độc chiến “vũ khí tinh thần” này để xây dựng nền giáo dục duy nhất trên toàn quốc, dạy hoàn toàn bằng tiếng Pháp phục vụ cho lợi ích của chủ nghĩa thực dân Pháp. Trước khi tìm hiểu 2 cuộc cải cách giáo dục ta hãy có một cái nhìn khái quát về tình hình giáo dục trước đó.

I. GIÁO DỤC VIỆT NAM TỪ PHÁP XÂM LƯỢC ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ 20

Không chờ đến khi chiếm xong toàn bộ Nam Kỳ mà ngay sau khi lấy được Chí Hòa ngày 25 tháng 2 năm 1861, ngày 21 tháng 9 năm ấy Đô đốc Charner đã ký Nghị định thành lập trường d'Aran (Bá Đa Lộc) để dạy tiếng Pháp cho người Việt và dạy tiếng Việt cho người Pháp. Đây chỉ là một cơ sở đào tạo nhân viên phục vụ quân đội viễn chinh và chiếm đóng của thực dân Pháp, giáo dục chưa mang tính rộng rãi đúng với nghĩa của nó, còn ở các làng người ta vẫn học chữ Hán.

Năm 1864 Đô đốc De La Grandière cho tổ chức một số trường tiểu học ở các tỉnh để

dạy quốc ngữ và dạy toán, nhưng số học sinh vẫn rất ít. Người ta chưa thích nghi với chữ Quốc ngữ và chữ Pháp, trừ một số làng theo đạo Thiên chúa thì số học sinh có khá hơn, cho nên sau 6, 7 năm mò mẫm người ta chỉ mới tổ chức được ở Nam Kỳ 58 trường học (trong đó có 2 trường của Giáo hội) với 1.368 học sinh.

Từ năm 1868 đến 1885 là thời kỳ thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn quốc và cuối cùng đã buộc triều đình Huế phải ký hòa ước công nhận quyền đô hộ trên toàn bộ đất nước ta. Giai đoạn này, giáo dục cũng chỉ mới mở rộng ở Nam Kỳ còn ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ chưa tổ chức được gì.

Ở Nam Kỳ có 3 loại trường: Trường tỉnh là trường dạy cả 3 cấp: 1, 2, 3.

Cấp 1 (sơ học) học 3 năm gồm tiếng Pháp, 4 phép tính, cách đo lường, chữ Hán chỉ học đến một mức độ nhất định, chữ Quốc ngữ học đủ để biết đọc, biết viết.

Cấp 2 (tiểu học): học 3 năm, tiếng Pháp bao gồm tập đọc, tập viết, ngữ pháp, tập đối thoại. Môn toán học phân số, quy tắc tam suất, chiết khấu, hình học sơ giải, vẽ kỹ thuật. Học sinh bắt đầu học lịch sử và địa lý Việt Nam, chữ Quốc ngữ và chữ Hán vẫn

tiếp tục học. Cuối cấp này có kỳ thi lấy *Bằng sơ học (Brevet é lémentaire)* và được lên cấp 3.

Cấp 3 (trung học) học 4 năm, chương trình như cấp 2 nhưng được mở rộng và nâng cao hơn, ngoài ra còn có một số môn mới như thiên văn, sinh vật, địa chất. *Tất cả những môn này đều học bằng chữ Pháp.* Chữ Hán phải học thêm *Tứ thư*, lịch sử địa lý Việt Nam ngoài ra còn phải tập làm phú, văn sách. Cuối cấp này có kỳ thi lấy *Bằng cao đẳng (Brevet superieur)*.

Ở Bắc Kỳ cho đến năm 1900 người Pháp đã tổ chức được một số trường học chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, mà họ thường gọi là *Trường Pháp Việt*, ở Hà Nội 15 trường tiểu học, 1 trường trung học, Hải Phòng 5 trường, Nam Định 4 trường. Ngoài ra họ đã bắt đầu với tới những vùng biên giới Việt - Trung như Cao Bằng, Lạng Sơn, Đồng Đăng, Na Sầm, Thất Khê. Năm 1892, họ còn tổ chức lớp học tiếng Pháp ban đêm ở Đông Hưng, Móng Cái cho một số công chức người Việt và người Hoa.

Ở Trung Kỳ đến năm 1894, Toàn quyền Rousseau mới cho mở trường Quốc học Huế đào tạo con em tầng lớp trên của triều đình thành những quan cai trị có cả "cựu học" và "tân học", ngoài ra còn một số trường Pháp - Việt khác ở Thanh Hóa, Vinh, Hội An, Nha Trang...

Tóm lại cho đến năm 1905 hệ thống giáo dục ở Việt Nam tồn tại dưới 3 hình thức khác nhau:

- Ở Nam Kỳ đa số các tổng xã đều có trường tiểu học Pháp - Việt dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ, chữ Hán hầu như bãi bỏ.

- Ở Bắc Kỳ và nhất là Trung Kỳ số trường dạy Pháp và chữ Quốc ngữ còn rất ít ỏi, các trường chữ Hán vẫn tồn tại khắp

nơi. Như vậy, 3 kỳ với 3 chế độ giáo dục khác nhau đã làm cho người Pháp gặp nhiều khó khăn trong việc theo dõi và chỉ đạo. Do đó việc tiến hành cải cách giáo dục là rất bức thiết, hơn nữa những thất bại và thành công trong tổ chức và điều hành giáo dục gần nửa thế kỷ qua cũng là những kinh nghiệm lớn để cho họ tiến hành công việc hệ trọng này.

II. CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ NHẤT (1906) - GIÁO DỤC PHÁP - VIỆT VÀ NHO GIÁO CÙNG TỒN TẠI

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất do Toàn quyền P. Beau khởi xướng và chỉ đạo sẽ tác động vào những đối tượng chính sau đây:

- Hệ thống trường Pháp - Việt

- Hệ thống trường dạy chữ Hán của giáo dục Nho giáo.

- Hệ thống các trường chuyên nghiệp.

1. Hệ thống trường Pháp - Việt được tổ chức lại gồm 2 bậc: Tiểu học và Trung học

a. *Bậc tiểu học Pháp - Việt* gồm những trường có 4 lớp: Lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất. Cuối bậc có kỳ thi lấy bằng tiểu học Pháp - Việt. Chương trình học hầu hết bằng tiếng Pháp (gồm 14 môn học thuộc lòng, lịch sử, địa dư, toán, cách trí...) và được dạy ngay từ lớp tư là lớp đầu tiên. Tiếng Việt chỉ có 6 môn như Chính tả, luận, học thuộc lòng... Chữ Hán chỉ mang nội dung luân lý, không dạy khoa học.

b. *Bậc trung học* dạy học sinh sau khi tốt nghiệp tiểu học và thi đỗ vào trung học. Bậc này học 5 năm chia làm hai: Trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp. Trung học đệ nhất cấp học bốn năm, trong thời gian này học sinh nhằm sẵn để chọn ngành

mình sẽ học khi lên đệ nhị cấp - cấp này chỉ học có 1 năm chia làm 2 ban.

Ban văn học, học thêm một ít chương trình năm thứ nhất của tú tài Pháp (chủ yếu là văn học Pháp) ngoài ra còn tiếng Việt và tiếng Hán.

Ban khoa học chia làm 3 ngành: Nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp đào tạo nhân viên cho các ngành kinh tế. Ngoài ra ban khoa học còn có thể thi vào lớp sư phạm hoặc pháp chính (1).

2. Hệ thống trường chữ Hán

Hệ thống các trường chữ Hán nằm trong nền giáo dục Nho giáo được chia làm 3 bậc: ấu học, tiểu học và trung học.

a. Bậc ấu học có 3 loại trường:

- Trường 1 năm cho những làng xa xôi hẻo lánh nên chỉ dạy chữ Quốc ngữ, không dạy chữ Hán và chữ Pháp.

- Trường 2 năm dạy Quốc ngữ và chữ Hán.

- Trường 3 năm dạy cả 3 thứ chữ Quốc ngữ, Hán mình Pháp. Ở 2 loại trường 2 năm và 3 năm chữ Hán không bắt buộc nhưng chữ Pháp thì bắt buộc. Sau khi học xong bậc ấu học sẽ có một kỳ thi gọi là "hạch tuyển" người đậu sẽ được cấp *bằng tuyển sinh* (2).

b. Bậc tiểu học. Các trường tiểu học, học 2 năm ở các phủ huyện do các giáo thụ, huấn đạo chịu trách nhiệm. Chương trình dạy cũng gồm các môn của 3 thứ chữ, nhưng Quốc ngữ vẫn chiếm nhiều giờ hơn: 15 giờ 30 mỗi tuần và dạy các môn chủ yếu như toán, luận, cách trí, sử, địa, vệ sinh, luân lý...

Chữ Hán chiếm tỷ lệ quan trọng sau chữ Quốc ngữ, mỗi tuần 10 giờ, tuy vậy chương

trình vẫn còn khá nặng vì bao gồm các sách *Tứ thư (trừ Trung dung)* đã được san định lại, ngoài ra còn các sách khác như *Chính biên toát yếu, Luật lệ toát yếu, Việt sử tổng Vịnh, An nam sơ học sử lược, Pháp lan tay sử lược, Nam quốc địa dư, Đông Dương chính trị*...

Chữ Pháp tuy ít hơn 2 loại chữ trên nhưng mỗi tuần vẫn chiếm đến gần 10 giờ chủ yếu tập trung vào 2 môn chính: tập đọc, tập làm văn (5 giờ 45) và tập đối thoại (3 giờ 35). Cuối năm thứ hai, học sinh có một kỳ thi (hạch khóa) để lấy bằng *khóa sinh*, người đậu được học miễn sưu dịch 3 năm và được học lên trung học (3).

c. Bậc trung học: Trường trung học 3 năm thường mở ở các tỉnh lỵ do đốc học phụ trách, học sinh được cấp học bổng. Chương trình học vẫn gồm cả 3 thứ chữ nhưng Quốc ngữ và chữ Pháp được dạy nhiều hơn chữ Hán.

Chữ Quốc ngữ chiếm nhiều thời gian nhất, mỗi tuần 16 giờ, các môn học cũng như ở bậc tiểu học nhưng có nâng cao.

Chữ Pháp ở đây lại chiếm nhiều thời gian hơn chữ Hán, 12 giờ mỗi tuần, trừ 1 giờ học toán còn tập trung thời gian vào học làm văn, học đọc và học dịch.

Chữ Hán tuy chỉ có 7 giờ mỗi tuần nhưng chương trình vẫn nặng vì ngoài các sách *Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ*, còn phải tập làm phồn, số, tấu.

Học hết trung học, học sinh phải qua một kỳ thi gọi là *thi sát hạch*, người đậu được cấp bằng *thí sinh*, được miễn sưu dịch 1 năm và được đi thi Hương.

d. Cải cách thi Hương. Trong những năm trước, nhà cầm quyền Pháp cũng đã đưa thêm chữ Pháp vào chương trình thi Hương. Lần này đi đôi với việc cải cách giáo

dục ở hệ thống trường chữ Hán, họ cũng tiến hành luôn cả việc cải cách thi Hương. Về hình thức và nghi lễ vẫn như cũ nhưng nội dung có thay đổi:

- Trường nhất: văn sách viết bằng chữ Hán gồm 5 đầu bài.

- Trường nhì: Luận chữ Việt.

- Trường ba: Dịch một bài chữ Pháp ra Quốc ngữ và một bài chữ Hán sang chữ Pháp.

- Kỳ phúc hạch để chọn cử nhân, thí sinh phải làm một bài luận chữ Hán, một bài luận chữ Việt và một bài dịch chữ Pháp sang chữ Hán. Tùy theo số điểm cao thấp mà định cử nhân hoặc tú tài.

Về thi Hội: Trong chương trình cải cách lần này chưa thấy nói đến, nhưng theo một chuyên gia về cải cách giáo dục lúc đó thì "kỳ thi để chọn tiến sĩ sẽ sửa đổi lại cho thích hợp với những cải cách đề ra trong kỳ thi Hương cho đến lúc sự phát triển của nền giáo dục đại học cho phép chuyển hóa thành một kỳ sát hạch có mục đích đánh giá những thí sinh qua những công trình thực sự cơ bản và mang dấu ấn cá nhân" (4).

e. Sách giáo khoa

Thời kỳ đầu mới chiếm đóng vì chưa kịp chuẩn bị nên người Pháp phải cho học sinh dùng tờ *Gia Định báo* làm sách tập đọc, sau đó mang sách từ Pháp sang nhưng vì không hợp với trình độ học sinh nên kết quả rất hạn chế.

Cho đến những năm 80 của thế kỷ XIX, Trương Vĩnh Ký và một số người Pháp của cơ quan học chính Nam Kỳ đã biên soạn một số sách giáo khoa để dạy trong các trường tiểu học do Trần Văn Thông, Đỗ Thận biên soạn (Cai trị lễ pháp, Ấu học luân lý) hoặc dịch từ sách tiếng Pháp của LeBris (Ấu học bị thể), Breamer (Nông học

tập đọc), Gourdon (Vô cơ vật loại)... Lần này họ dự định bổ sung vào sách Quốc ngữ một số như tập đọc, toán, cách trí, vệ sinh...

Sách chữ Hán có những cuốn như *Ấu học giáo khoa*, *Ấu học luận ngữ*, *Mạnh Tử chính văn*... Còn sách chữ Pháp thì chủ yếu vẫn là những cuốn đã dùng ở Nam Kỳ từ cuối thế kỷ XIX như *Conversations francaises et annamites* (Đối thoại Pháp - Annam) *Petits cours de géographie de la Basse Conchinchine* (Sơ lược về địa dư xứ Nam Kỳ)... của Trương Vĩnh Ký.

Ngoài ra theo chương trình cải cách này ở một số tỉnh lỵ và thủ phủ các xứ cũng sẽ tổ chức những trường nữ học riêng từ sơ học đến tiểu học và cao đẳng tiểu học. Ngoài chương trình như các trường tiểu học và trung tâm nhằm đào tạo các nữ giáo viên, trường còn có những môn dành riêng cho nữ sinh như khâu vá, nấu ăn, gia chánh (thêu, đan, làm bánh trái...).

Trường dạy nghề ngoài những trường đã có từ trước, đào tạo công nhân cho các ngành nông nghiệp (chăn nuôi, làm vườn, tơ tằm) thủ công nghiệp và mỹ nghệ, công nghiệp châu Âu (cơ khí, điện,...) công nghiệp "bản xứ" (mộc, rèn, sơn mài, dệt...) lần này chưa có gì thay đổi.

Nhìn chung cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất có những điểm nổi bật sau đây:

Nếu như trước kia từ P. Bert đến P. Doumer chỉ mới có một vài quy chế cho việc học chữ Pháp, chữ Quốc ngữ mang tính chất chấp vá, từng phần thì cuộc cải cách lần này mang tính toàn diện hơn, tác động đến cả hai hệ thống giáo dục Nho giáo và Pháp - Việt nhưng vẫn chưa triệt để.

Trước kia hai nền giáo dục Pháp - Việt và Nho giáo tồn tại hầu như biệt lập với

nhau, thì cuộc cải cách lần này thực dân Pháp vẫn để tồn tại song song nhưng lại cố làm cho hai nền giáo dục này xích lại gần nhau hơn mà “sự khác nhau sẽ chỉ như giáo dục cổ điển và giáo dục hiện đại ở Pháp”. Do đó ta thấy ở các trường ấu học, tiểu học và trung học của giáo dục Nho giáo chương trình hiện đại là chữ Pháp, chữ Quốc ngữ và chính phần chữ Pháp của các trường này cũng lấy trong sách giáo khoa của trường Pháp - Việt. Học sinh sau khi học xong trường ấu học không nhất thiết phải theo học trường tiểu học và trung học để thi Hương mà còn có thể học trường tiểu học Pháp - Việt để thi vào các trường trung học Pháp - Việt. Như vậy, tuy cuộc cải cách lần này chưa triệt để nhưng nền giáo dục của thực dân đã xâm nhập mạnh mẽ hơn vào nền giáo dục Nho giáo cổ truyền, sẽ tạo điều kiện để xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục này khi cần thiết.

- *Chất lượng giáo dục sau cải cách lần thứ nhất không đáp ứng được những yêu cầu mà người Pháp đã đề ra.* Với cải cách giáo dục lần thứ nhất, người Pháp hy vọng trong một thời gian ngắn có thể đào tạo được một số viên chức giúp việc và công nhân kỹ thuật, đó là hướng của các trường Pháp - Việt. Đối với giáo dục Nho giáo, sẽ có được một tầng lớp quan lại tuy vẫn lấy cựu học làm chính, nhưng đã có ít nhiều tân học có thể làm cầu nối giữa nhân dân và “nhà nước bảo hộ”. Tuy nhiên, các trường Pháp Việt với 14 môn dạy bằng tiếng Pháp trên tổng số 20 môn ngay từ những lớp đầu tiên của bậc tiểu học đủ thấy sự mô phỏng hầu như hoàn toàn theo chương trình tiểu học ở Pháp. Nó đã gây ra nhiều khó khăn về thầy giáo, sách giáo khoa, tổ chức cơ sở vật chất do đó chất lượng và hiệu quả không thể cao.

Còn nội dung giảng dạy chữ Quốc ngữ và chữ Pháp ở hệ thống trường chữ Hán với định hướng nói trên, người ta đã tập trung học nhiều về luật pháp, đơn từ, phong tục... nghĩa là những môn “đầu vị” cho việc cai trị ở phủ, huyện. Đối với thi Hội chưa có gì thay đổi, nghĩa là thí sinh vẫn phải trình bày những vấn đề “kinh bang tế thế” nhưng mặc dầu đã được 8 năm với cả 3 thứ chữ Pháp, Quốc ngữ, Hán, các thí sinh vẫn tỏ ra “cựu học không dày mà tân học cũng mỏng”. Báo *Nam Phong* hồi bấy giờ sau khi công bố một số bài văn thi Hội của mấy ông tiến sĩ tân khoa, đã mỉa mai: “Quốc văn như vậy, Hán văn cũng rưa rứa như vậy. Đó là cái tinh hoa của nhân tài nước Đại Nam ta đấy” (5). Do đó, dù công cuộc cải cách giáo dục của Toàn quyền Beau đã cố dung hòa hai nền giáo dục Pháp - Việt và Nho giáo nhưng kết quả rõ ràng là không thể đáp ứng được những yêu cầu mong muốn, đó là nguyên nhân cơ bản để người ta phải tiến hành cải cách giáo dục một lần nữa.

III. CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN THỨ HAI: XÓA BỎ NỀN GIÁO DỤC NHO GIÁO, XÁC LẬP VÀ Củng cố NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM (1917-1929)

Chương trình cải cách giáo dục lần thứ nhất của Toàn quyền Beau là thời kỳ quá độ trên chặng đường phát triển của nền giáo dục nước ta lúc đó. Sự tồn tại song song hai nền giáo dục là một việc bất đắc dĩ, khi chưa có điều kiện để xóa bỏ nền giáo dục Nho giáo, hơn nữa kết quả đào tạo của nền giáo dục mới cải cách không đáp ứng được yêu cầu đề ra. Cũng cần phải nói thêm là sự tồn tại cùng một lúc hai nền giáo dục đã làm tăng mâu thuẫn giữa những người “cựu học” và “tân học” ngay trong một thế hệ học sinh. “Một bên thì không ngừng quay về với quá khứ âm thầm

chống đối những cải cách có nguồn gốc phương Tây. Một bên dựa trên quá khứ nhưng lại hướng về và chuẩn bị cho những đổi mới của đất nước" (6). Đương nhiên những mâu thuẫn này là không có lợi cho nền thống trị của thực dân Pháp.

Lúc này Thế chiến thứ Nhất lại sắp kết thúc, Pháp có nhiều triển vọng thắng trận nhưng tổn thất về người và của vẫn rất nhiều, họ phải chuẩn bị cho một đợt khai thác lớn ở thuộc địa nhất là Việt Nam, để bù đắp cho những thiệt hại do chiến tranh gây ra. Việc mở rộng kinh tế đòi hỏi phải có thêm công nhân, nhất là công nhân kỹ thuật và nhiều nhân viên giúp việc có trình độ chuyên môn vững vàng. Trong bối cảnh đó, thực dân Pháp thấy không thể cho tồn tại nền giáo dục "bản xứ" với những thể chế của nó. Sau khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ năm 1915, ở Trung Kỳ năm 1918 cùng với khoa thi Hội và thi Đình đầu năm 1919, ngày 14-6-1919 Khải Định ký dụ bãi bỏ tất cả các trường học chữ Hán cùng với hệ thống quản lý từ triều đình đến cơ sở, chỉ còn lại 2 trường trực thuộc Nam triều trên danh nghĩa là trường Hậu bổ và Quốc Tử Giám (nhưng vài năm sau cũng bị bãi bỏ).

Ngày 21-12-1917 Toàn quyền Sarraut ký Nghị định ban hành bộ "học chính tổng quy" (Règlement général de l'instruction publique) và đến tháng 3-1918 Sarraut lại gửi thông tư cho các tỉnh giải thích rõ thêm một số nội dung cần thiết.

Bộ Học quy của Sarraut chia làm 7 chương, 558 điều, mỗi chương lại chia thành từng mục lớn nhỏ, có những vấn đề chính sau đây:

1. Về tổ chức, bộ Học quy xác định: Công việc giáo dục ở Việt Nam chủ yếu dạy phổ thông và thực nghiệp. Các trường học chia làm trường Pháp chuyên dạy học sinh

người Pháp theo chương trình "chính quốc", trường Pháp - Việt chuyên dạy người Việt theo chương trình "bản xứ". Toàn bộ nền giáo dục chia làm ba cấp:

Đệ nhất cấp: Tiểu học

Đệ nhị cấp: Trung học

Đệ tam cấp: Cao đẳng và đại học

Ngoài ra còn các trường thực nghiệp tức là các trường dạy nghề tương ứng với bậc tiểu học và trung học.

a. Hệ tiểu học: bao gồm các trường của đệ nhất cấp và chia làm 2 loại:

- Trường tiểu học bị thế (còn gọi là kiêm bị) có 5 lớp: Đồng ấu, dự bị, sơ đẳng, lớp nhì và lớp nhất. Các trường này thường mở ở tỉnh lỵ và huyện lỵ, dạy học trò đi thi lấy bằng tốt nghiệp tiểu học.

- Trường sơ đẳng tiểu học là những trường chỉ có 2 hoặc 3 lớp dưới chủ yếu mở ở các làng xã hoặc 2, 3 xã chung nhau một trường. Các trường này dạy chủ yếu bằng Quốc ngữ, còn các trường bị thế thì lên đến lớp 3 mới bắt đầu dạy chữ Pháp. Chương trình học gồm các môn: Tiếng Pháp, tập đọc, toán, luân lý, vệ sinh, cách trí, thủ công...

b. Hệ trung học: Trung học chia làm 2: Cao đẳng tiểu học và trung học. Theo chương trình cũ thì trung học chỉ có cao đẳng tiểu học và sau đó là một năm chuyên ngành. Nhưng trong cải cách của A. Sarraut lại có cả hệ cao đẳng hoặc đại học do đó phải có thêm một bậc trung học nữa để đi thi lấy bằng tú tài. Bậc trung học được chia làm hai:

- Cao đẳng tiểu học 4 năm: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ niên, cuối năm thứ tư học sinh được đi thi để lấy bằng cao đẳng tiểu học (còn gọi là bằng thành chung hay "díp lôm").

- Trung học có 2 năm kết thúc bằng kỳ thi lấy bằng tú tài. Đây chỉ là bằng tú tài "bản xứ" không có giá trị như "tú tài Tây".

Toàn bộ các trường tiểu học và trung học đều nằm trong hệ thống trường Pháp - Việt.

c. *Hệ thực nghiệp*. Học thực nghiệp ở bậc tiểu học gồm những trường dạy nghề mộc, nề, rèn, trường gia chánh (école ménagère) trường canh nông, trường kỹ thuật công nghiệp và mỹ nghệ. Ở bậc trung học có các trường thực nghiệp bị thế nghĩa là dạy toàn khóa chứ không chỉ dạy sơ lược như ở đệ nhất cấp.

Như vậy, hệ phổ thông sau khi tốt nghiệp trung học, học sinh sẽ thi vào các trường cao đẳng, còn hệ thực nghiệp thì tùy tính chất của từng loại trường và số năm học sẽ tương ứng với tiểu học hoặc trung học, sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc ở các cơ sở sản xuất.

d. *Hệ cao đẳng*. Về nguyên tắc tổ chức, các trường Cao đẳng Đông Dương sẽ hợp lại thành Viện Đại học Đông Dương, nhưng vì các trường cao đẳng chưa mở hết nên trong Học quy này Sarraut cũng chỉ nói những nét khái quát mà thôi.

- Trường Sĩ hoạn ở Hà Nội và trường Hậu bổ ở Huế là những trường chuyên đào tạo quan lại, theo quy chế này sẽ ngừng hoạt động và tổ chức lại trực thuộc Giám đốc Đại học Đông Dương quản lý.

- Trường Y học Đông Dương, trường Thú y tiếp tục học.

- Trường Công chính sẽ trực thuộc vào Giám đốc Đại học Đông Dương.

- Bỏ các lớp dạy luật (cours de droit) đặt ra theo Nghị định ngày 29-3-1910.

e. *Các khoa thi*. Theo Học quy mới này, các khoa thi sẽ chia làm hai loại:

- Loại thi theo chương trình "bản xứ" gồm thi tốt nghiệp tiểu học, thi tốt nghiệp trung học gồm cao đẳng tiểu học và trung học (tú tài).

- Loại thi theo chương trình Pháp có bằng sơ học (Brevet élémentaire), bằng cao đẳng (Brevet supérieur) bằng tú tài Tây. Thi tốt nghiệp các trường cao đẳng có quy chế riêng.

2. Vấn đề dạy chữ Pháp, chữ Quốc ngữ và chữ Hán

Đây là một vấn đề làm tốn nhiều giấy mực nhất không chỉ từ khi người Pháp tổ chức ra những trường học đầu tiên ở Nam Kỳ (1861) mà lúc này vẫn là một vấn đề được thảo luận trên nhiều báo chí lớn như *Trung Bắc tân văn*, *Nam Phong*...

Cuối cùng việc dạy tiếng Pháp được quy định như sau: Điều 134 của Học quy viết: "Về nguyên tắc tất cả các môn học ở bậc tiểu học phải dùng chữ Pháp làm phương tiện giảng dạy", nhưng thực tế việc làm đó gặp nhiều khó khăn và đã thất bại từ cuộc cải cách lần trước. Do đó trong thông tư đề ngày 20-3-1918, Sarraut lại nói là tiếng Pháp bắt đầu dạy từ lớp ba nghĩa là sau khi học trò đã đọc thông viết thạo tiếng mẹ đẻ, vả lại việc này cũng phù hợp với những trường sơ đẳng tiểu học của các làng xã chỉ dạy vài năm rồi học trò trở về đi cày chứ không phải dạy 5 năm như những trường tiểu học bị thế.

Việc dạy chữ Pháp có liên quan mật thiết với dạy chữ Quốc ngữ và ngược lại. Ở đây, vấn đề quyết định là nội dung giảng dạy chữ không phải tiếng Pháp hay tiếng Việt. Người Pháp sẽ không bao giờ cho dùng tiếng Pháp để truyền bá tư tưởng

cách mạng chống lại học và dĩ nhiên tiếng Việt thì phải là “cỗ xe để chở tư tưởng Pháp... những bước tiến từ khi người Pháp sang cai trị, nói lên đầy đủ về hòa bình, an ninh, về sự khai thác những tài nguyên thiên nhiên, về sự phát triển giáo dục, y tế, tóm lại là sự nghiệp của người Pháp ở Đông Dương” (7). Chỉ riêng nội dung giảng dạy tiếng Việt ở bậc tiểu học cũng phải như vậy. Học tiếng Việt còn giúp cho học tiếng Pháp được dễ dàng hơn, vì “Học tiếng Pháp, nhớ được tiếng Pháp đã khó nhất là những tiếng trừu tượng... Trước khi học đến những tiếng ấy ta hãy nên dùng cái tiếng thường mẹ ru ví hát của đứa trẻ mà dạy cho nó hiểu biết qua loa mấy điều cốt yếu thì đến khi học đến chữ Tây nó mới hiểu được rõ nghĩa (8).

Phạm Quỳnh cũng đã nhất trí với ý kiến trên và nói thêm: “Biết nói tiếng Pháp hơi đúng đã phải là có Pháp học chưa?”.

Cái Pháp học ấy dùng ngay bằng tiếng An Nam há chẳng phải là dễ hiểu hơn ư? (3). Như vậy việc dạy chữ Quốc ngữ phải hướng vào những nội dung phục vụ cho lợi ích của người Pháp.

Đối với việc dạy chữ Hán trong các trường sơ đẳng tiểu học Pháp - Việt thì không phải là môn học bắt buộc, nhưng những trường nào muốn dạy chữ Hán phải có sự thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh, hội đồng kỳ mục xã và hiệu trưởng.

Thầy giáo chữ Hán phải dạy tại trường, mỗi tuần 1 giờ 30 phút vào sáng thứ 5. Hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm về nội dung, không được vắng mặt trong các buổi sáng thứ 5 và phải giám sát thái độ giảng dạy của giáo viên. Đối với trường tiểu học kiêm bị thì phải có ý kiến của Thống sứ hoặc Khâm sứ sau khi đã tham khảo Hội

đồng hàng tỉnh rồi mới ra quyết định đưa chữ Hán thành môn học chính thức, tuy vậy cũng chỉ đối với hai lớp cuối cấp mà thôi.

Như vậy, với việc ban hành những quy chế mới, Sarraut đã xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục Nho giáo, xác lập một nền giáo dục mới phục vụ cho công việc khai thác thuộc địa.

IV. MỘT SỐ BỔ SUNG SAU CẢI CÁCH GIÁO DỤC LẦN 2

Nếu như cải cách giáo dục lần thứ nhất phải sau 4 năm (1910) mới bắt đầu thực hiện thì việc thi hành những quy chế mới lần này được xúc tiến khá tích cực. Một là tình hình chính trị tương đối ổn định, hai là về tổ chức và giảng dạy họ đã tích lũy được một số kinh nghiệm thất bại cũng như thành công, cho nên lần này họ làm có trọng điểm, rút kinh nghiệm và bổ sung một số nội dung nhằm hoàn thiện dần những cải cách đã đề ra.

1. Mở rộng bậc tiểu học.

Một trong những việc phải làm gấp theo kế hoạch của các toàn quyền kế vị Sarraut là mở rộng giáo dục tiểu học, chủ yếu là các làng xã, trước hết để tuyên truyền về việc “nước Pháp rất chú ý đến truyền thống hiếu học của An Nam” hai là để đối phó với những bất mãn có thể xảy ra trong nhân dân khi hàng loạt học sinh trường chữ Hán ở các thôn xóm phải nghỉ học sau khi chủ trương cải cách giáo dục của Sarraut được thực hiện.

Năm 1923, Merlin thay Sarraut, bãi bỏ quy định học tiếng Pháp từ lớp sơ đẳng mà chỉ bắt buộc dạy ở hai lớp nhì và lớp nhất thôi, tuy vậy nếu là trường tiểu học kiêm bị thì số giờ học tiếng Pháp vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định. Merlin còn quy định sau khi học xong 3 năm bậc sơ đẳng, học sinh phải

thi sơ học yếu lược rồi mới được lên lớp trên. Nhưng những lớp này (lớp nhì và lớp nhất) phải học hoàn toàn bằng tiếng Pháp cho nên phần nhiều học sinh nông thôn không theo được. Để tránh chỗ bất hợp lý này, năm 1927 lại có Nghị định mở thêm lớp nhì đệ nhất (Cours moyen première année) làm lớp chuyển tiếp giữa lớp sơ đẳng và lớp nhì đệ nhị (moyen deuxième année). Như vậy, với kỳ thi sơ học yếu lược một số học sinh đã bị rơi rụng đi, rồi với việc dạy tiếng Pháp ở các lớp trên của bậc tiểu học, số lượng học sinh lên đến lớp nhất còn lại rất ít. Chỉ lấy năm 1925 là năm chưa tổ chức lớp nhì đệ nhất cũng có thể chứng minh được điều này:

Niên khóa 1924-1925 tổng số học sinh ở Việt Nam là 187.000 (số tròn)

Lớp đồng ấu là 90.000, chiếm 48%.

Lớp dự bị là 54.500, chiếm 29%.

Lớp sơ đẳng là 25.500, chiếm 14%.

Lớp nhì và lớp nhất là 17.000, chiếm 9%.

Qua số liệu trên ta thấy cứ lên mỗi lớp thì số học sinh vơi đi xấp xỉ một nửa. Cứ 100 em học sinh vào lớp đồng ấu thì 48 em lên lớp dự bị, 29 em lên lớp sơ đẳng, 14 em lên lớp nhì và đến lớp nhất chỉ còn 9 em (10).

Kế hoạch của Merlin chưa đem lại kết quả mong muốn và ở nhiều huyện, tỉnh nhất là Bắc Kỳ và Trung Kỳ trường học chữ Hán lại mọc lên, bởi vậy tháng 12-1926 toàn quyền lại ký Nghị định thành lập một loại trường học mới gọi là trường phổ cập giáo dục. Loại trường này do các làng xã chịu trách nhiệm về trường lớp, tuyển dụng giáo viên, lương và các chi phí khác, Nha Học chính chỉ chịu trách nhiệm chỉ đạo phần chuyên môn. Chương trình chỉ dạy từ 1 đến 3 năm nên hết sức đơn giản nhưng

lại dễ áp dụng vào cuộc sống bao gồm: tập đọc, tập viết, toán, cách trí, vệ sinh, luân lý... Việc tuyển dụng giáo viên cũng được dễ dàng hơn.

Những người có bằng sơ học yếu lược bằng khóa sinh chỉ cần làm đơn và tờ cam đoan tuân theo luật lệ của làng xã trong việc dạy dỗ con em là có thể dự tuyển. Tiền lương cũng do sự thỏa thuận giữa thầy giáo và hương lý, cũng có thể là tiền mặt cũng có thể là ruộng đất cho gia đình giáo viên cấy cấy thu hoa lợi. Việc bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên cũng được tiến hành đều đặn hàng năm vào dịp hè do cơ quan Học chính tỉnh chịu trách nhiệm.

Chính sách khuyến khích mở loại trường phổ cập đã đem lại những kết quả khá hơn trước. Ở Bắc Kỳ riêng năm học 1929-1930 đã có thêm 35 trường nâng tổng số từ 800 lên 835 trường với 879 lớp và 27.627 học sinh. Học sinh gái cũng tăng từ 965 em năm học 1928-29 lên 1.322 năm học 1929-30. Ở hầu hết các tỉnh đồng bằng và trung du đều có trường, nhiều nhất là Hải Dương có 151 trường với 4.871 học sinh, ít nhất là Bắc Giang có 16 trường và 560 học sinh. Ngay tỉnh miền núi là Hà Giang trước chưa có trường mà đến 1930 đã mở được 11 trường, 236 học sinh, Cao Bằng 2 trường với 53 học sinh (11).

Ở Trung Kỳ, số trường phổ cập giáo dục cũng phát triển khá nhanh. Nếu như tháng 7-1919 là khi bắt đầu tiến hành cải cách giáo dục, các trường chữ Hán bị bãi bỏ, ở Trung Kỳ số trường dạy chữ Quốc ngữ còn rất ít thì đến năm 1930 ở đây đã có 826 trường, suýt soát với Bắc Kỳ, tỉnh nhiều nhất là Thanh Hóa với 124 trường, phổ biến là trên dưới 50 trường, nhưng cũng có tỉnh như Quảng Nam 95 trường, Quảng Ngãi 80 trường. Riêng Nam Kỳ, giáo dục

tiểu học đã phát triển khá đồng đều, nên chỉ tổ chức những lớp “bổ trợ dự bị” (Cours auxiliaires préparatoires) ở các làng xã chưa có điều kiện mở trường học, nay cũng đã có 32 lớp với 1.584 học sinh trong các tỉnh Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Long Xuyên, Châu Đốc (12).

2. Phát triển giáo dục vùng dân tộc ít người

Đi đôi với việc mở rộng giáo dục bậc tiểu học, giáo dục vùng dân tộc ít người cũng được chú ý hơn trước, nhưng tùy tình hình thực tế mà nhà cầm quyền Pháp đã tổ chức giáo dục thích hợp cho từng địa phương. Ở Nam Kỳ, dân tộc, Khơme, sống xen kẽ với người Việt trong các tỉnh Bạc Liêu, Châu Đốc, Tây Ninh... nhưng họ vẫn giữ được tiếng nói, phong tục, và từ lâu đời họ đã có những trường học - nhà chùa do sư sãi chịu trách nhiệm vừa dạy chữ, vừa giảng về lý thuyết Phật giáo. ở những vùng này, người Pháp vẫn cho giữ nguyên những trường học - nhà chùa nhưng có dạy thêm chương trình của nhà Học chính, giáo viên đều phải có bằng sơ học yếu lược và được được gửi đi đào tạo ở Pnôm-pênh hoặc Căm-pốt (Campuchia). Cho đến năm 1930, nhờ phát triển trường học - nhà chùa, một loại trường truyền thống của vùng dân tộc Khơme ở Nam Kỳ, ở đây đã có 6.111 học sinh trong đó có 3 trường nội trú cho 113 học sinh (13).

Việc tổ chức giáo dục cho các dân tộc ít người ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ gặp nhiều khó khăn, vì học sinh chưa quen ở nội trú. Tuy vậy sau 2 năm vận động đến năm 1929 và nhất là 1930 ở các tỉnh miền núi Trung Kỳ đã có 3 trường ở các tỉnh Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột cho 229 học sinh các dân tộc Gia-rai, Ba-na, Sê-dăng, Ê-đê. Ở Bắc Kỳ các dân tộc ít người sống phân tán hơn nên

có đến 7 trường nội trú (Cao Bằng 2 trường, Bắc Cạn, Hòa Bình, Lai Châu, Thái Nguyên, Yên Bái) cho 261 học sinh các dân tộc Mường, Thái, Tày, Dao. Việc đào tạo giáo viên, biên soạn các sách giáo khoa cũng được quan tâm và có những biện pháp thiết thực. Ở các trường sư phạm Hà Nội và Huế có “Ban sư phạm miền núi”, ở một số tỉnh Bắc Trung Kỳ người ta cấp học bổng và khuyến khích học sinh người miền núi về học ở các trường tiểu học kiêm bị và cao đẳng tiểu học để trở về dạy cho các trường địa phương. Một số sách tập đọc Việt, Tày, Pháp ở Bắc Kỳ, học vần bằng tiếng Gia-lai, Ba-na ở Trung Kỳ cũng được biên soạn và phát hành.

Đến năm 1929-1930 số học sinh miền núi đã có:

- Bắc Kỳ: 18.855 (4.572 học sinh người Việt).
- Trung Kỳ: 2.556 (1.179 học sinh người Việt).
- Nam Kỳ: 6.111 học sinh người Khơme (14).

3. Tăng cường chương trình bậc trung học

Theo Nghị định ngày 26-12-1924, sau hai năm học ở bậc trung học, học sinh sẽ có trình độ cao hơn phần thứ nhất tú tài Pháp, nhưng lại chưa ngang với tú tài toàn phần cho nên học sinh chưa được thi vào các trường cao đẳng bên Pháp. Theo quy chế này bằng tú tài “bản xứ” được nâng lên hơn tú tài phần thứ nhất, nhưng vẫn chưa bằng tú tài Pháp toàn phần. Do vậy, ngày 23-12-1927, toàn quyền Đông Dương lại ký Nghị định tăng thêm bậc trung học một năm nữa là 3 năm và học sinh sẽ được đi thi lấy bằng tú tài “bản xứ” phần thứ hai, chưa chia thành 2 ban văn học và khoa học,

nhưng lại có giá trị tương đương tú tài Pháp (15). Nội dung của tú tài “bản xứ” gần như dập mẫu của chương trình chính quốc. Tiếng Pháp là môn học chính của khoa học xã hội, gồm lịch sử văn học Pháp, các trường phái văn học từ thời Phục hưng (thế kỷ 15-17) đến thế kỷ 18 và đương đại, trích đoạn thơ văn các tác gia tiêu biểu từ thế kỷ 15 đến đương đại, tập làm văn nghị luận về các tác phẩm đã học cũng như về luân lý, đạo đức.

Môn lịch sử học kỹ về sự di dân của người da trắng sang châu Mỹ, châu Đại dương và Nam Phi, sự hình thành các đế quốc lớn, uy tín của người Pháp trên thế giới...

Triết học là môn học mới mẻ với những nội dung như các khái niệm cơ bản về logic học, đạo đức học; triết học đại cương với các vấn đề không gian, thời gian; tâm lý học thực nghiệm; ngôn ngữ học đại cương; những khái niệm về xã hội học, mỹ học...

Ngoài ra họ còn bổ sung vào chương trình văn sử triết môn “Cổ học Viễn Đông” (Humanités Extrêmes Orientales), trong đó văn học nhấn mạnh đến ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam. Lịch sử ngoài phần Viễn Đông còn có những thời kỳ lớn của lịch sử Đông Dương trên cơ sở những nền nghệ thuật tiêu biểu (Chăm, Khơme, “Hán-Việt”). Triết học chú ý đến triết học so sánh Socrate và Khổng Tử, Phật giáo và Thiên chúa giáo. Về khoa học tự nhiên ngoài toán, lý, hóa còn có động vật học, thực vật học, địa chất học, chuyển động học (cinématique), tĩnh học (statique), vũ trụ học (cosmographie)... Do đó, đưa môn “Cổ học Viễn Đông” càng làm cho chương trình trung học vốn đã nặng nề và khó càng trở nên nặng nề và khó hơn cả bậc trung học Pháp (16).

4. *Củng cố giáo dục cao đẳng và dạy nghề*

Sau khi đã chinh đốn giáo dục ở các bậc tiểu học và trung học, bậc cao đẳng được xác định cụ thể về mục đích nội dung đào tạo và ngôn ngữ giảng dạy, đương nhiên tiếng Pháp là chuyển ngữ chính, do đó ngay cả những trường dạy về kỹ thuật như Bưu điện, Nông lâm, Giao thông công chính... văn học Pháp cũng rất được chú trọng. Nó chiếm nhiều hơn hoặc tương đương với khoa văn học của trường Cao học Đông Dương.

Tuy nhiên nói đến củng cố bậc cao đẳng vấn đề quan trọng hàng đầu là *khẳng định tư tưởng của giai cấp thống trị, của chủ nghĩa đế quốc*. Nếu như ở chương trình trung học học sinh phải học sự bành trướng của người da trắng, sự hình thành các đế quốc lớn về thuộc địa... thì chương trình *lịch sử thế giới của trường Cao đẳng Sư phạm*, học sinh phải học cụ thể hơn sự hình thành thuộc địa của Pháp ở châu Phi, của Anh ở châu Á và châu Đại dương. Với lịch sử Pháp học đã cắt xén khá nhiều, nhất là lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp đầu thế kỷ 19. Khi nói đến sự kiện 1871 thì chỉ nhấn mạnh chiến tranh Pháp - Phổ, việc cắt hai tỉnh Alsace và Lorraine cho Phổ mà không hề có lấy một dòng nói về Công xã Pari. Những sự kiện “rung chuyển thế giới” như Cách mạng Tháng Mười Nga thì càng bị bưng bít và xuyên tạc đi đến mức độ người ta chỉ biết là cuộc nội chiến Nga mà phần thắng lợi thuộc về Đảng Bôn-sê-vích.

Cũng vậy, khi dạy lịch sử văn minh phương Tây ở trường Cao học Đông Dương thì họ luôn nhấn mạnh đến vai trò nước Pháp trong công cuộc phát triển văn minh phương Tây. Còn đối với lịch sử văn minh phương Đông thì họ dạy khá kỹ về văn

minh Ấn Độ, Trung Quốc và nhấn mạnh ảnh hưởng của 2 nền văn minh này đến Đông Dương, còn văn minh Việt Nam thì không hề có lấy nửa câu, khi cần nói đến họ thường dùng khái niệm “Hán-Việt” (Sino-Annamite) và chứng minh rằng Việt Nam không có văn minh bản địa, tất cả những nền văn hóa nổi tiếng của Hòa Bình, Đông Sơn, nền văn học dân tộc thời Lý, Trần, Lê... đều mang tính ngoại lai.

Sau 4 năm củng cố bậc cao đẳng và mở thêm một số trường dạy nghề, đến năm 1929 số sinh viên ở các trường cao đẳng đã tăng lên đến 551 người, còn các trường chuyên nghiệp đã vươn lên đến các tỉnh miền núi như Sơn La, Cao Bằng... Những trường loại này tập trung nhiều ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ là hai địa phương có nhiều điểm khai thác, Trung Kỳ chỉ có một trường kỹ nghệ thực hành ở Huế, tổng cộng cả 3 kỳ là 1.569 học sinh.

Giai đoạn này người ta cũng không dùng những sách giáo khoa cũ (đa số là sách dịch từ tiếng Pháp) mà đã biên soạn được một bộ sách giáo khoa mới chủ yếu dùng cho các trường sơ đẳng và tiểu học bị thể như *Quốc văn, Toán Pháp, Cách trí, Sử ký, Địa dư... Pháp văn độc bản* (Livre unique de Français). Tổng số sách đã lên đến 25 cuốn. Ngoài ra còn có tạp chí Sư phạm như *Học báo* (Trung Kỳ và Bắc Kỳ), *Sư phạm học khóa* (Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ), có cả phần chuyên môn và nghiệp vụ quản lý giáo dục giúp cho cơ sở có tài liệu tham khảo.

Từ 1903 về sau người Pháp còn bổ sung một số nội dung từ tiểu học đến đại học và dạy nghề nhằm hoàn chỉnh và hiện đại hóa nền giáo dục Việt Nam lúc đó. Tuy nhiên đến đây mô hình giáo dục Sarraut - Merlin đã có thể làm cơ sở cho những bước đi vững chắc ở giai đoạn sau.

Nhìn lại 2 cuộc cải cách giáo dục của Pháp tiến hành trên nước ta năm 1906 và 1917 ta thấy: Với cải cách giáo dục lần thứ nhất nền giáo dục Việt Nam chỉ phát triển cầm chừng, nó vẫn bị giáo dục Nho giáo “nú áo”, còn với cải cách giáo dục lần thứ hai nhà cầm quyền Pháp đã làm được hai việc lớn là *xóa bỏ nền giáo dục Nho giáo và củng cố, mở rộng nền giáo dục Việt Nam*. Xóa bỏ nền giáo dục Nho giáo là một việc làm cần thiết và phù hợp với sự phát triển của xã hội, vì sau đó người ta còn có kế hoạch củng cố và mở rộng từng bước nền giáo dục Việt Nam bằng những hình thức phù hợp để cải tạo nền giáo dục với 3 ngôn ngữ Pháp-Hán-Quốc ngữ, bằng một nền giáo dục duy nhất dạy bằng chữ Pháp, chữ quốc ngữ chỉ là thứ yếu. Biện pháp tăng cường học tiếng Pháp bằng cách mở rộng thêm lớp nhì đệ nhất ở bậc tiểu học đã tỏ ra có hiệu quả, vì từ lớp này trở đi học sinh đã làm quen dần với tiếng Pháp để lên đến cao đẳng tiểu học và trung học có thể sử dụng tương đối thành thạo tiếng Pháp. Sau khi bậc trung học được ủng hộ, người ta đã có thể tổ chức một số trường cao đẳng (mà trước đó mới ở trình độ trung cấp) như Cao đẳng Sư phạm, Nông lâm, Công chính... Những trường này về mặt tuyển sinh đã được nâng cao từ cao đẳng tiểu học lên tú tài phần thứ nhất; những người có bằng tú tài toàn phần được miễn thi. Thời gian học ở các trường đều được kéo dài thêm ít nhất là 1 năm, nội dung học được tăng cường và như vậy đã có điều kiện để nâng cao chất lượng nghề nghiệp sau khi ra trường.

Nhược điểm của công cuộc cải cách lần thứ hai là thời gian học tiểu học và trung học quá dài (13 năm) một người muốn học xong cao đẳng phải mất 15, 16 năm, có ngành gần 20 năm (y, dược). Do đó tỷ lệ học

sinh đi học cũng chỉ chiếm trên dưới 1% tổng dân số (17). Chương trình trung học quá nặng nề, đây áp những kiến thức “hàn lâm” không cần cho trung học (triết học, cổ học) đồng thời chương trình cũng bị “Pháp hóa” cao độ làm cho người ta thấy tiếng mẹ đẻ chỉ là một ngoại ngữ, một ngoại ngữ bị coi

thường, bị rẻ rúng từ cấu tạo chương trình đến nội dung học tập, còn tiếng Pháp mới là ngôn ngữ chính. Những nhược điểm này người ta không cần quan tâm khắc phục khi mà nền giáo dục chỉ có mục đích phục vụ cho quyền lợi của chủ nghĩa thực dân Pháp hơn là cho quảng đại quần chúng.

CHÚ THÍCH

(1). Chương trình trung học gồm: Tiếng Pháp, tập làm văn, tả người, tả đồ vật, tả cảnh, viết thư, báo cáo, phân tích phương ngôn về luân lý, tiếng Việt: Địa dư năm xứ Đông Dương, cư dân, kinh tế... Toán, Đại số, lượng giác; Kế toán, kỹ thuật: Chế biến nông phẩm, sơn mài, gốm, in, ép dầu, luyện kim; Sư phạm: phương pháp sư phạm, thực tập ở các trường tiểu học; Hành chính: mỗi tuần 1 giờ về nghiệp vụ hành chính (Programme de l'enseignement franco-indigène, Hà Nội, 1910).

(2). Chương trình ấu học (trường 3 năm)

Năm thứ nhất: Học từ vựng và tập nói chuyện: tập đọc, tập viết, toán, vẽ.

Năm thứ hai: cách trí, viết tập, luận, địa dư, chính sự nước Pháp, luân lý: phải tôn kính vua và biết ơn nước Pháp.

Năm thứ ba: Chữ Pháp và chữ Quốc ngữ như lớp tư tưởng Pháp - Việt (14 môn bằng chữ Pháp và 5 môn bằng tiếng Việt) chữ Hán học trong sách Mạnh Tử chính văn.

Chương trình thi tuyển sinh:

a. *Thi viết:* Chính tả kiêm tập viết (bằng Quốc ngữ).

- Toán: 4 phép tính và đo lường

- Bài thi tình nguyện: Dịch Hán - Quốc ngữ

b. *Vấn đáp:* - Tập đọc về phong tục, luân lý hoặc cách trí.

- Toán

- Đọc và dịch Việt - Hán; đọc tiếng Pháp (tình nguyện).

(3). Các môn thi khóa sinh

1. *Thi viết:*

- Quốc ngữ: một bài luận và 2 bài toán

- Chữ Hán: một bài về truyện hoặc lịch sử Việt Nam.

- Chữ Pháp: một bài dịch Pháp - Việt, một bài dịch Việt - Pháp, một bài chính tả.

2. *Thi vấn đáp:*

- Quốc ngữ: Trả lời câu hỏi về các môn *cách trí* hoặc *vệ sinh*, địa dư, lịch sử, hành chính.

- Chữ Hán: đọc và dịch một bài chữ Hán ra chữ Pháp.

- Chữ Pháp: đọc và trả lời những câu hỏi của thầy giáo (về cá nhân hoặc quan hệ xã hội) (Programmes d'études des écoles Tiểu học, Hà Nội, 1916, tr. 11).

(4). CL.E. Maitre. *L'enseignement indigène dans l'Indochine annamite*, Hà Nội, 1907, tr. 10.

(5). *Nam Phong*, số 24, tháng 6-1919, tr. 445.

Đầu đề văn sách bài 1: Việc chánh tự bây giờ càng khó. Trung Kỳ, Bắc Kỳ tình thế khác nhau, nên sửa sang những điều gì trước?

Một ông đậu Tiến sĩ thứ tư đã trả lời là cần sửa đổi việc giáo dục mà ý kiến cũng chỉ đến mức: Cứ y theo chương trình học mới, nhưng xin dịch thêm những lời huấn dụ của Liệt thánh bản triều để ban cho mà học, lại mỗi tuần hoặc một tháng có một ngày giảng thuyết... làm cho ai cũng biết “tôn quân thân thượng” mà mọi đường lợi ích càng thêm.

Một ông đầu tiến sĩ thứ 7 trả lời đại ý: ở Trung Kỳ phải khuyến khích nghề nông và khai hoang, ở Bắc Kỳ phải chú ý nghề buôn bán, lập thương hội và hàng xuất khẩu.

(6). De l'enseignement traditionnel annamite à l'enseignement franco-indigène. Hà Nội, 1931, tr. 10.

(7). La diffusion de l'enseignement en Indochine. Revue Indochinoise, 1925, tr. 171.172.

(8). *Trung Bắc tân văn*, số 209, năm 1919.

(9). Phạm Quỳnh. *Mấy bài diễn thuyết ở Paris*, Hà Nội, 1923.

(10). Số giờ học tiếng Pháp ở 3 lớp dưới bậc tiểu học:

	Bắc Kỳ	Trung Kỳ	Nam Kỳ	
Đồng ầu	5 giờ	5 giờ	5,30 giờ	Tổng số giờ học mỗi tuần là 27,3 giờ
Dự bị	9 giờ	10 giờ	8,45 giờ	
Sơ đẳng	7,30 giờ	5 giờ	7,45 giờ	

(11). La pénétration scolaire dans les pays annamites (Tonkin - Annam - Cochinchine), Hà Nội, 1931, tr. 10.

(12). Nam Kỳ chỉ còn 115 làng chưa có trường tiểu học trên tổng số 1.419 làng. Tlđd, tr. 10.

(13). P.IP. *La pénétration scolaire dans les minorités ethniques*, Hà Nội, 1931, tr. 8.

(14). P.IP. *La pénétration scolaire dans les minorités ethniques*, Hà Nội, 1931, tr. 8, 12.

(15). Mãi đến tháng 11-1941, nhà cầm quyền Pháp mới cho chia bằng tú tài "bản xứ" thành 2 ban Triết học và Toán học.

(16). F.Vial. *Le problème humain de l'Indochine*. Paris, Delégave, 1939, tr. 124.

(17). Tham khảo: Phan Trọng Báu. *Giáo dục Việt Nam thời Cận đại*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 172, 173.

VIỆT SỬ YẾU VÀ TÁC GIẢ CỦA NÓ

(Tiếp theo trang 79)

(4). Nguyên văn câu đối:

"Ông ra Bắc là may, chức Kinh lược, tước Quận công, bốn bề không nhà mà nhất nhĩ;

Ngài về Tây cũng tiếc, trong triều đình, ngoài Chính phủ, một lòng với nước có hai đầu"

(Theo Tạp chí Văn hóa Hà Tĩnh, số 99+100, tháng 10-11/2006)

(5). Nguyên văn bài thơ của Dương Bá Trạc Mừng cụ Hoàng Thái Xuyên thất thập thọ như sau:

Vượng khí Lam Hồng đức vĩ nhân

Trời ban thêm tuổi, chúa thêm ân

Công danh sự nghiệp Hiến Thành-Lý

Phú quý vinh hoa Nhật Duật-Trần

Con cháu một nhà hai tổng đốc

Pháp Nam hai nước một công thần

Tuần này chúc thọ là tuần bầy

Còn biết sau đây mấy chục tuần.

Hoàng Cao Khải trong một bài thơ Vịnh Tô Hiến Thành có hai câu thơ ca ngợi:

... Khinh bề tài hóa trọng cương thường

Lòng dãi hai triều một tuyết sương.

(6). Phan Bội Châu. *Toàn tập*. Tập II. Nxb. Thuận Hóa. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr. 71.

(7). Phan Châu Trinh. *Toàn tập*. Tập III. Nxb. Đà Nẵng, 2005, tr. 42.

(8). Dương Quảng Hàm - *Con người và tác phẩm*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 512.